TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Huế.

2. Ông Hoàng Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị Doanh Thị C, sinh năm 1989 – Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1983 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

3. Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Bà Chu Thị L, sinh năm 1967 – Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

+ Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1957 – Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 05/6/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Doanh Thị C trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 19/10/2010. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian thì giữa hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm dẫn đến giữa hai người đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị Doanh Thị C thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về nuôi con chung sau khi ly hôn:

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 2 người con chung, cháu thứ nhất tên là Hoàng Yến N, sinh ngày 16/10/2011, cháu thứ hai tên là Hoàng Hải H, sinh ngày 07/9/2013 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Trong đơn khởi kiện, chị C có yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai người con chung cho anh T được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tuy nhiên, sau đó chị thay đổi yêu cầu và tại phiên tòa sơ thẩm chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp là người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai người con chung.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung sau khi ly hôn:

Theo đơn khởi kiện chị Doanh Thị C đề nghị hàng tháng chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung của hai bên đương sự đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu nuôi con và không đề nghị anh Hoàng Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Doanh Thị C, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do đương sự Hoàng Văn T đi làm ăn xa, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn T không về để Tòa án tiến hành các thủ tục lấy lời khai, thu thập chứng cứ theo quy định, vì vậy Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 08/7/2024 của UBND xã B, huyện Ngân Sơn bà Dương Minh Tâm, công chức tư pháp, hộ tịch xã B cung cấp thông tin như sau:

Chị Doanh Thị C và anh Hoàng Văn T, có cùng địa chỉ thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Ngân Sơn tại giấy chứng nhận kết hôn số 39/2010, ngày 19/10/2010.

Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 08/7/2024, tại Công an xã B, huyện Ngân Sơn ông Hoàng Xuân Trường - Phó Trưởng Công an xã cung cấp thông tin như sau: Trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thể hiện anh Hoàng Văn Tường, sinh năm 1983, có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Chủ hộ là Hoàng Văn T, trong hộ gồm có mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T là bà Hoàng Thị D, sinh ngày 18/3/1957 và 02 con là cháu Hoàng Hải H, sinh ngày 07/9/2013 và cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 16/10/2011. Chị Doanh Thị C, sinh ngày 13/8/1989 là

vợ anh Hoàng Văn T đã chuyển hộ khẩu về xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Anh Hoàng Văn T là đối tượng nghi nghiện chất ma túy, thường xuyên không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, không khai báo tạm vắng và không có thông tin đăng ký tạm trú. Anh ít khi về nhà, thường chỉ về vào dịp lễ tết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2024, bà Hoàng Thị D, sinh năm 1957, địa chỉ thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T cung cấp thông tin bà có nhận được giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng mà Tòa án đã gửi cho anh Hoàng Văn T và có thông báo cho anh Hoàng Văn T biết việc chị C làm đơn ly hôn gửi tới Tòa án. Anh T cũng thường xuyên liên lạc với bà và thi thoảng gửi tiền về chu cấp để cho các cháu nội của bà. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng con trai của bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi và có đánh nhau. Lỗi một phần là do anh Tường có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy, không giúp đỡ gia đình, vợ con, , khi xảy ra mâu thuẫn thì chị C đã bỏ về ở với cha mẹ đẻ ở xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Về chi phí sinh hoạt hàng ngày để nuôi con chung thì chủ yếu là do chị C trang trải. Khi các bên xảy ra mâu thuẫn thì bà có đứng ra hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm, tuy nhiên tình cảm hai bên vẫn không thể hàn gắn được, các bên đã ly thân nhau gần 10 năm nay. Không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, vì những lần bà liên lạc với anh T thì anh T đều nói không muốn gặp chị C và không còn tình cảm nữa. Hiện nay anh T đang đi làm dưới Bắc Ninh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2024, bà Chu Thị L, sinh năm 1967, địa chỉ thôn A, xã C, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, là mẹ đẻ của chị Doanh Thị C đã trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng con gái bà là do anh Hoàng Văn T nghi nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bà đã đứng ra hòa giải mâu thuẫn vài lần tuy nhiên anh T vẫn không thay đổi, do vậy chị C đã chuyển hẳn về ở với gia đình bà, trong thời gian này bà không thấy anh T về thăm nom hay nói chuyện để hàn gắn tình cảm gì với chị C, theo ý kiến của bà là mâu thuẫn giữa các bên là không thể hàn gắn được nữa, mong muốn của bà là đề nghị Tòa án giải quyết cho các bên được ly hôn.

Tòa án đã tiến hành thông báo và mở phiên họp về việc công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành các thủ tục thu thập chứng cứ và ra đưa vụ án ra xét xử vào ngày 24/7/2024 theo quy định, tuy nhiên do bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 08/8/2024. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/8/2024, bị đơn anh Hoàng Văn T tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm

quyền, thủ tục gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Hoàng Văn T thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ tố tụng, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Doanh Thị C về việc xin ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Hoàng Hải H, sinh ngày 07/9/2013 cho chị Doanh Thị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải và tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhằm đáp ứng cho việc giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Doanh Thị C và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn*" được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo cung cấp thông tin của Công an xã B, huyện Ngân Sơn thì bị đơn anh Hoàng Văn T hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Doanh Thị C và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở yêu đương, tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2010 tại UBND xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Doanh Thị C và anh Hoàng Văn T là hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung về cuộc sống hôn nhân, sinh hoạt hàng ngày, bản chất anh T là người hay sử dụng chất ma túy, dẫn đến lười lao động, không chịu tu chí làm ăn để vun vén hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến vợ con. Anh T và chị C đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, chị C khẳng định không còn tình cảm với anh T nữa, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn T tuy không ở nhà nhưng đã được gia đình thông báo về việc Tòa án đã thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Doanh Thị C nhưng anh không quan tâm, cũng như không có động thái gì để hàn gắn hay níu kéo cuộc sống hôn nhân giưa anh và chị C, như vậy có thể thấy rằng quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng chị C và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho hai bên đương sự ly hôn.

2.2. Về quan hệ nuôi con chung:

Vợ chồng chị C và anh Tcó hai người con chung là cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Hoàng Hải H, sinh ngày 07/9/2013 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Khi ly hôn, chị C đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai người con chung. Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành thủ tục lấy lời khai của các cháu Hoàng Yến N và cháu Hoàng Hải H về nguyện vọng chung sống với bố hay mẹ sau khi ly hôn. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2023, cả hai cháu N và cháu H đều có nguyện vọng là được ở với mẹ sau khi bố mẹ hai cháu ly hôn. Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên đương sự Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn thấy rằng, anh Hoàng Văn T là đối tượng nghi nghiện chất ma túy, thường xuyên đi làm ăn ở xa, không hay về nhà, do vậy nếu giao con chung cho anh Hoàng Văn T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sẽ không đảm bảo với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của anh Hoàng Văn T. Xét yêu cầu nuôi con chung của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn chị Doanh Thị C có nơi cư trú và việc làm ổn định với thu nhập hàng tháng từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng, ngoài ra, con chung của hai người có cháu Hoàng Yến N giới tính là nữ, nếu giao cháu Hoàng Yến N cho

người mẹ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì người mẹ sẽ hiểu và đồng cảm với con gái hơn, và như vậy cũng sẽ đảm bảo hơn cho sự phát triển tự nhiên về mặt khoa học và tâm sinh lý bình thường của cháu Hoàng Yến N. Còn cháu Hoàng Hải H từ nhỏ cũng chung sống với chị gái của mình là Hoàng Yến N, luôn được chị đùm bọc, giúp đỡ, hai chị em luôn chung sống hòa thuận, nếu để cả hai cháu cùng chung sống với mẹ thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển lành mạnh của cả hai cháu.

Từ những căn cứ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cả hai con chung là cháu Hoàng Yến N và cháu Hoàng Hải H cho nguyên đơn chị Doanh Thị C là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, điều đó phù hợp với thực tế khách quan và hoàn cảnh hiện tại của hai bên đương sự và đúng với quy định của pháp luật.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Doanh Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Doanh Thị C đối với bị đơn anh Hoàng Văn T về việc tranh chấp: *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*.

Tuyên xử: Chị Doanh Thị C được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn:

2.1. Về nuôi con chung:

Giao con chung của hai bên đương sự là cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Hoàng Hải H, sinh ngày 07/9/2013 (các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Doanh Thị C là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng Yến N và cháu Hoàng Hải H đủ 18 tuổi. Bị đơn anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn:

Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn Doanh Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0002519, ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn. Xác nhận nguyên đơn chị Doanh Thị C đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo:

5.1. Nguyên đơn chị Doanh Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2. Bị đơn anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công